

Bản án số: **51/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-5-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Nam
- Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn C, huyện C1, tỉnh Trà Vinh (*Xin vắng mặt*)

- Bị đơn: Anh Lê Văn H1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Chị và anh Lê Văn H1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/12/2016 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, chị và anh H1 chung sống tại nhà chồng ở ấp Bình Sơn, xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Nguyên nhân nay chị xin ly hôn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, anh H1 thất nghiệp nên chị là nguồn thu nhập chính lo cho gia đình. Đến năm 2022 chị về nhà cha mẹ ruột sống và anh chị ít qua lại và mâu thuẫn càng lớn hơn. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn H1 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên không có lời trình bày, không cung cấp văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Lê Văn H1 nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Văn H1 có nơi cư trú tại ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H. Anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/12/2016 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị H và anh H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Chị phải chịu nhiều áp lực về kinh tế do anh H1 thất nghiệp, chị là nguồn thu nhập chính để lo cho gia đình và khi chị về nhà cha mẹ ruột sống vợ chồng ít qua lại dẫn đến tình cảm phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Anh H1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên tòa giải nhưng anh không đến chứng tỏ anh H1 cũng không có thiện chí đoàn tụ. Anh H1 cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến hay phản đối lời trình bày của chị H. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh H1.

[5] Xét về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung nên không giải quyết.

[6] Xét về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung, anh H1 không đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị H trình bày không có nợ chung, anh H1 không đưa ra yêu cầu giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

[8] Xét về án phí: Chị H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H.

Cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với anh Lê Văn H1.
2. Về con chung: Chị H xác định chị và anh H1 không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung, anh H1 không đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.
4. Về nợ chung: Chị H trình bày không có nợ chung, anh H1 không đưa ra yêu cầu giải quyết nợ chung nên không giải quyết.
5. Về án phí: Chị H có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003917 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân